

Số: 01/2024/NQ-HĐND

Quảng Nam, ngày 23 tháng 01 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung, mức chi thực hiện công tác phổ biến,
giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và công tác hòa giải
ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ HAI MƯỜI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh
phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật
và hòa giải ở cơ sở;

Xét Tờ trình số 302/TTr-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi thực hiện
công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và công tác hòa
giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Báo cáo thẩm tra số 16/BC-HĐND
ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh;
ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nội dung, mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật,
chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị và địa phương thuộc tỉnh có liên quan đến việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Nội dung và mức chi

Nội dung và mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh được áp dụng theo phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này (kèm theo phụ lục).

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành, được bố trí dự toán hàng năm cho các cơ quan, tổ chức theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Nguồn tài trợ, huy động hợp pháp (nếu có) thực hiện đúng theo sự thỏa thuận với các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tài trợ trong và ngoài nước, phù hợp với pháp luật Việt Nam. Trường hợp không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Những nội dung khác liên quan đến công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở.

4. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa X, kỳ họp thứ hai mươi thông qua ngày 23 tháng 01 năm 2024, có hiệu lực từ ngày 05 tháng 02 năm 2024 và thay thế Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi thực hiện công tác hòa giải cơ

sở; công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật cho người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Nam./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBND tỉnh;
- Bộ Tài chính;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND. (2).

**TM. CHỦ TỌA KỲ HỌP
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Xuân Vinh



PHỤ LỤC
NỘI DUNG CHI MỨC CHI THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT, CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT VÀ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NAM

(Thực hiện theo Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐND ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Chi công tác phí; chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị chuyên đề, hội nghị tổng kết, sơ kết, triển khai		Thực hiện theo Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của HĐND tỉnh		
2	Chi tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng				
a)	Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật, hoà giải ở cơ sở		Thực hiện theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018; Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh		
b)	Hỗ trợ tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ, tiền phương tiện đi lại đối với học viên là đại biểu ở cấp xã		Thực hiện theo Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của HĐND tỉnh		
3	Chi họp báo, hội thảo, tọa đàm trao đổi kinh nghiệm				
a)	Chi tổ chức họp báo, hội thảo, tọa đàm trao đổi kinh nghiệm cấp tỉnh, cấp huyện; Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật cấp huyện, Ban chỉ đạo các chương trình, đề án về phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở		Thực hiện theo Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017, Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019, 39/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh		
	Trong đó, mức chi thù lao như sau:				
	- Chủ trì	Đồng/người/buổi	700.000	600.000	500.000
	- Thư ký	Đồng/người/buổi	350.000	300.000	200.000
	- Báo cáo viên trình bày tại hội thảo, tọa đàm	Đồng/báo cáo	1.000.000	800.000	700.000
	- Báo cáo được cơ quan tổ chức đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo, tọa đàm	Đồng/báo cáo	500.000	400.000	400.000
	- Thành viên tham gia	Đồng/người/buổi	150.000	100.000	100.000
b)	Mức chi chủ trì và các thành viên tham dự họp đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật của cấp xã				
	- Chủ trì	Đồng/người/cuộc họp			150.000
	- Thành viên tham gia	Đồng/người/cuộc họp			100.000
	- Ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham dự	Đồng/văn bản			1.000.000
4	Chi ứng dụng công nghệ thông tin		Thực hiện theo Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ; các định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông (nếu có)		
5	Chi biên soạn, biên dịch tài liệu và thực hiện thông tin, truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng				
a)	Biên soạn tài liệu (hoặc bài giảng) giới thiệu Luật, Pháp lệnh; thông cáo báo chí, sách, đặc san, tài liệu chuyên đề pháp luật, tài liệu tham khảo, hướng dẫn nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở để phát hành hoặc đăng tải trên cổng/trang thông tin điện tử và biên soạn chương trình giáo dục pháp luật, sách, tài liệu tham khảo, hướng dẫn giáo dục pháp luật trong nhà trường.		Thực hiện theo Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính		
b)	Biên soạn đồ họa thông tin pháp luật		Thực hiện theo Thông tư số 83/2021/TT-BTC ngày 04/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 21/4/2022 của HĐND tỉnh		

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
c)	Biên soạn sách nói pháp luật		Thực hiện quy định hiện hành về chế độ nhuận bút đối với các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, bản tin trên địa bàn tỉnh		
d)	Biên soạn bài giảng điện tử		Thực hiện theo Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính		
đ)	Xây dựng chương trình, chuyên mục; in ấn các ấn phẩm, tài liệu; sản xuất, phát hành các băng rôn, khẩu hiệu, băng, đĩa để phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở; thực hiện truyền thông trên báo, tạp chí, đài truyền hình, tạp san, bản tin, thông tin lưu động, triển lãm chuyên đề, làm bảng thông tin và hộp tin.		Thực hiện theo Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính		
e)	Biên dịch tài liệu (bao gồm cả tiếng dân tộc thiểu số được hiểu là ngôn ngữ không phổ thông)		Thực hiện theo Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh		
6	Chi biên soạn tài liệu đặc thù				
a)	Tờ gấp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Dòng/tờ gấp đã hoàn thành	1.500.000	1.200.000	1.000.000
b)	Tình huống giải đáp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Dòng/tình huống đã hoàn thành	450.000	350.000	300.000
c)	Câu chuyện pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Đồng/câu chuyện đã hoàn thành	2.250.000	1.800.000	1.400.000
d)	Tiểu phẩm pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định, lấy ý kiến chuyên gia)	Dòng/tiểu phẩm đã hoàn thành	7.500.000	6.000.000	4.800.000
7	Chi khen thưởng		Thực hiện theo Nghị định 98/2023/ND-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ		
8	Chi thực hiện các cuộc điều tra, khảo sát		Thực hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016; Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh		
9	Chi tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ		Thực hiện theo Bộ Luật lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành luật		
10	Chi xây dựng Chương trình, Đề án, Kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở và truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn Chương trình, Đề án, Kế hoạch của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật, Ban chỉ đạo các chương trình, đề án, kế hoạch				
a)	Xây dựng đề cương				
	- Xây dựng đề cương chi tiết	Đồng/đề cương	1.200.000	1.000.000	800.000
	- Tổng hợp hoàn chỉnh đề cương tổng quát	Đồng/đề cương hoàn chỉnh	2.000.000	1.600.000	1.300.000
b)	Soạn thảo Chương trình, Đề án, Kế hoạch				
	- Soạn thảo Chương trình, Đề án, Kế hoạch	Đồng/chương trình, kế hoạch, đề án	3.000.000	2.400.000	1.900.000
	- Soạn thảo báo cáo tiếp thu, tổng hợp ý kiến	Đồng/báo cáo	500.000	400.000	300.000
c)	Tổ chức họp, tọa đàm góp ý				
	- Chủ trì	Đồng/người/buổi	200.000	160.000	100.000
	- Thành viên dự	Đồng/người/buổi	100.000	80.000	60.000
d)	Ý kiến tư vấn của chuyên gia	Đồng/văn bản	500.000	400.000	300.000
đ)	Xét duyệt Chương trình, Đề án, Kế hoạch				
	- Chủ tịch Hội đồng	Đồng/người/buổi	200.000	160.000	130.000
	- Thành viên Hội đồng, thư ký	Đồng/người/buổi	150.000	120.000	100.000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
	- Đại biểu được mời tham dự	Đồng/người/buổi	100.000	80.000	60.000
	- Nhận xét, phản biện của Hội đồng	Đồng/bài viết	300.000	240.000	200.000
	- Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng	Đồng/bài viết	200.000	160.000	100.000
e)	Lấy ý kiến tham định (Trường hợp không thành lập Hội đồng xét duyệt Chương trình, Đề án, Kế hoạch)	Đồng/bài viết	500.000	400.000	300.000
g)	Xây dựng các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn Chương trình, Đề án, Kế hoạch	Đồng/văn bản	500.000	400.000	300.000
11	Chi thù lao				
a)	Báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, hoà giải viên cơ sở, người được mời tham gia thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở, hướng dẫn sinh hoạt chuyên đề Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt với tư cách là giảng viên		Thực hiện theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018; Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh		
b)	Thù lao báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật, cán bộ thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù.		Được hưởng thêm 20% so với mức thù lao quy định tại điểm a mục này		
c)	Chuyên gia, nhà khoa học, nhà hoạt động thực tiễn tham gia triển khai các nhiệm vụ của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật		Thực hiện theo Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội		
12	Chi xây dựng và duy trì sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt				
a)	Hỗ trợ tiền ăn, nước uống cho thành viên tham gia Hội nghị ra mắt Câu lạc bộ (không quá 01 ngày)	Đồng/người/buổi	50.000		
b)	Tiền nước uống cho người dự sinh hoạt	Đồng/người/buổi	20.000		
13	Chi tổ chức cuộc thi, hội thi				
a)	Hỗ trợ tiền ăn, ở cho thành viên ban tổ chức, các ban, tiểu ban, hội đồng những ngày tham gia trực tiếp tổ chức cuộc thi; tiền ăn, ở cho thí sinh tham gia cuộc thi (kể cả ngày tập luyện và thi tối đa không quá 10 ngày)		Thực hiện theo Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh		
b)	Chi biên soạn đề thi, ngân hàng câu hỏi, bồi dưỡng thành viên ban tổ chức, các ban, tiểu ban, hội đồng và một số nội dung chi khác		Thực hiện theo Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/01/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh		
c)	Chi tổ chức cuộc thi sân khấu, thi trên internet, có thêm mức chi đặc thù sau:				
	- Thuê dẫn chương trình	Đồng/người/ngày	2.000.000	1.500.000	1.200.000
	- Thuê hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi sân khấu		Thanh toán theo thực tế phát sinh, trong phạm vi dự toán được giao		
	- Thuê văn nghệ, diễn viên	Đồng/người/ngày	450.000	350.000	300.000
	- Thu thập thông tin, tư liệu, lập hệ cơ sở dữ liệu tin học hoá		Thực hiện theo Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ; Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT ngày 30/11/2021 và Thông tư số 42/2020/TT-BTTTT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt (nếu có)		
d)	Chi giải thưởng				
	- Giải nhất				
	+ Tập thể	Đồng/giải thưởng	8.000.000	7.000.000	5.500.000
	+ Cá nhân	Đồng/giải thưởng	5.000.000	4.000.000	3.000.000
	- Giải nhì				
	+ Tập thể	Đồng/giải thưởng	5.500.000	4.500.000	3.500.000
	+ Cá nhân	Đồng/giải thưởng	3.000.000	2.500.000	2.000.000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
	- Giải ba				
	+ Tập thể	Đồng/giải thưởng	4.000.000	3.200.000	2.500.000
	+ Cá nhân	Đồng/giải thưởng	2.000.000	1.600.000	1.300.000
	- Giải khuyến khích				
	+ Tập thể	Đồng/giải thưởng	2.500.000	2.000.000	1.500.000
	+ Cá nhân	Đồng/giải thưởng	1.000.000	800.000	600.000
	- Giải phụ khác	Đồng/giải thưởng	500.000	400.000	300.000
14	Chi thực hiện báo cáo thống kê				
a)	Thu thập thông tin, xử lý số liệu báo cáo	Đồng/báo cáo	75.000	60.000	48.000
b)	Báo cáo của ngành, địa phương				
	- Báo cáo định kỳ hàng năm	Đồng/báo cáo	2.000.000	1.500.000	1.200.000
	- Báo cáo chuyên đề	Đồng/báo cáo	2.500.000	2.000.000	1.500.000
	- Báo cáo đột xuất	Đồng/báo cáo	1.000.000	800.000	600.000
c)	Báo cáo tổng hợp trình, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	Đồng/báo cáo	6.000.000		
15	Chi kiểm tra, giám sát, đánh giá theo định kỳ hoặc đột xuất		Thông tư số 06/2007/TT-BTC ngày 26/01/2007; Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của HĐND tỉnh		
16	Chi công tác hòa giải ở cơ sở				
a)	Chi thù lao cho hòa giải viên				
	- Thù lao cho hòa giải viên trực tiếp tham gia vụ, việc hòa giải	Đồng/vụ, việc			300.000
	- Thù lao cho hòa giải viên trường hợp vụ, việc hòa giải thành	Đồng/vụ, việc			400.000
b)	Hỗ trợ chi phí y tế cho việc cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút đối với hòa giải viên bị tai nạn trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở (bao gồm cả trường hợp hòa giải viên bị tai nạn được cứu chữa, bồi dưỡng, chăm sóc trước khi chết)				Thực hiện theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế và quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế
c)	Hỗ trợ thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút đối với hòa giải viên bị tai nạn trong thời gian cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút				Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 02/2013/TT-LT-BNV-BI.ĐTBXH-BTC-BYT ngày 09/7/2013 của Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Y tế
d)	Hỗ trợ chi phí mai táng cho người tổ chức mai táng hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro bị thiệt hại về tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở				05 tháng lương cơ sở
đ)	Hỗ trợ hoạt động của tổ hòa giải (mua văn phòng phẩm, sao chụp tài liệu, nước uống phục vụ các cuộc họp của tổ hòa giải)	Đồng/tổ hòa giải/tháng			150.000
17	Chi kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở		Thực hiện theo Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính		